

SỨC MẠNH VĂN HOÁ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH (Phần 1)

Hoàng Ngọc Hiến*

Sự phân biệt khái niệm “văn hoá” và khái niệm “văn minh” không đơn thuần có ý nghĩa học thuật. Bản thân sự phát triển hiện tại của xã hội ta đặt ra vấn đề học thuật này. Có thể hiểu một cách ước lệ “văn minh” là những thiết chế và cơ chế kinh tế, pháp lý, xã hội... được đặt ra để bảo đảm trật tự và ổn định của đời sống xã hội; văn hoá là tổng thể những tư tưởng triết học, đạo đức học, tôn giáo, mỹ học... được siêu thăng từ đời sống tinh thần của xã hội, cuộc sống này bao giờ cũng phong phú hơn rất nhiều cũng như những tư tưởng siêu thăng này bao giờ cũng bền vững hơn những thiết chế của văn minh nhất thời cai quản xã hội. Hiểu như vậy, nền văn minh XHCN đúng hơn, hệ thống văn minh của “cộng đồng các nước XHCN” mà nước ta đã từng là một bộ phận đang ở trong một cuộc khủng hoảng trầm trọng, hàng loạt thiết chế bị đổ vỡ, có những mảng lớn sụp đổ hoàn toàn. Ngay trong nền văn minh XHCN ở nước ta, nhiều thiết chế tỏ ra lỗi thời, không sao trụ lại được trước xu thế đổi mới: chế độ hợp tác xã “công điểm”, chế độ thương nghiệp “tem phiếu”, “hai giá”..., bao trùm lên tất cả là chế độ bao cấp thâm nhập vào mọi lĩnh vực, kể cả lĩnh vực văn hóa, tư tưởng. Để hiểu đúng cuộc khủng hoảng của nền văn minh XHCN cũng cần thấy rằng nền

văn minh phương Tây vẫn được xem là đối lập với nền văn minh của chúng ta hiện tại cũng đang lâm vào cuộc khủng hoảng không kém phần trầm trọng. Trong tác phẩm “Làn sóng thứ ba” nổi tiếng của nhà tư tưởng xã hội Mỹ, Alvin Toffler, cuộc khủng hoảng của văn minh phương Tây (được tác giả đưa vào phạm trù Làn sóng thứ hai) đã được đánh giá gọn lỏn: “Có mùi bệnh trong không khí. Đó là mùi của nền văn minh Làn sóng thứ hai đang chết”¹. Chúng ta đang ở trong một cuộc khủng hoảng văn minh toàn cầu. Hiểu ra được điều này, chí ít cũng tránh được ý nghĩ hão huyền đang ám ảnh không ít người - là tìm lối thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng của nền văn minh XHCN bằng cách nhảy bổ vào cuộc khủng hoảng của văn minh phương Tây.

Văn hoá (do gốc rễ lịch sử bên sâu bao giờ cũng có tiềm lực trường tồn lớn hơn những thiết chế văn minh thường thiên về mặt hành dụng và do đó tính bất định, tính nhất thời nhiều hơn) không nhất thiết bị cuốn hút vào sự đổ vỡ của văn minh. Văn hoá với sự tích lũy những hàng số lịch sử và tầm nhìn khoáng đạt, quán xuyên hiện tại, quá khứ và tương lai thuộc bản chất của nó có thể trụ lại được trong cuộc khủng hoảng nếu đề ra được những tư tưởng căn cốt khả dĩ rút ra được những bài học

* PGS, Đại học Văn hóa Hà Nội.

¹ *Tạp chí Văn học*, số 1/1993, tr.11.

của sự suy sụp những thiết chế văn minh lỗi thời, đồng thời định hướng sự phát triển của văn minh, định hình viễn cảnh của một xã hội văn minh tốt đẹp hơn, đáp ứng những khát vọng tự do của nhân dân và những ước mong hạnh phúc của đồng bào. Trong tình hình hiện nay, đối với giới văn hoá - những nhà văn hoá và những người làm công tác văn hóa - thiết tưởng không có nhiệm vụ nào quan trọng và cấp thiết hơn là đề ra được những tư tưởng căn cốt như vậy.

"*Tam giáo đồng nguyên*" là một truyền thống bền vững hàng ngàn năm trong lịch sử văn hoá nước ta. "... truyền thống tư tưởng dân tộc - Nguyễn Huệ Chi viết - vốn lấy sự dung hợp các hệ tư tưởng, sự chung sống hoà bình giữa các trường phái Nho, Phật, Đạo làm phương thức sinh tồn"². Có thể nói đến nguyên tắc "đồng nguyên" như là một nét căn cốt của bản lĩnh văn hoá dân tộc. Từ cuối thế kỷ XI trong bài làm của Đỗ Đò đậu Minh kinh khoa năm Sửu (1097) (năm sau lại đậu Khoa Tam giáo) có câu:

Phật, Nho, Lão thị tam gia nhất trụ,

Quân, sư, phụ nãi ngũ luân chi yếu

(tạm dịch: Đạo Phật, đạo Nho, đạo Lão trong ba nhà mà một bệ)

Vua, Thầy, Cha là cốt yếu của ngũ luân)³

Đến thế kỷ XIII, nguyên tắc này được khẳng định trong *Khoá hư lục* của Trần Thái Tông (1218-1277).

*... Vị minh nhân vọng phân tam giáo,
liễu đắc để đồng ngộ nhất tâm ...*

Dịch nghĩa: .. Người chưa hiểu chia bừa thành tam giáo,

² Xem 1.

³ Sở Văn hoá-Thông tin Thái Bình. *Danh nhân Thái Bình*, tập III, 1989.

Giác ngộ rồi cùng thấu một chữ tâm...

Trong nhà của chí sĩ Phan Bội Châu ở Bến Ngự, ảnh của Khổng Tử, ảnh của Lênin, ảnh của Tôn Văn được treo bên nhau⁴. Phải chăng đây là một hình ảnh của "tam giáo đồng nguyên" hiện đại? "Khổng Tử, Jesus, Tôn Dật Tiên - Hồ Chủ Tịch nói, - chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết...Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy"⁵.

Trong suy nghĩ của "người học trò nhỏ", tư tưởng của những vĩ nhân đại diện cho những hệ tôn giáo, triết học rất khác nhau thuộc những thời đại lịch sử và những nền văn hoá hoàn toàn khác nhau được quy "đồng nguyên" ở cái "tâm" với nhân quần xã hội. Tư tưởng "đồng nguyên văn hoá" ở Hồ Chủ Tịch - nếu như có một tư tưởng như vậy - được đặt ở chữ "tâm" và vượt ra ngoài văn cảnh dân tộc. Trong văn hoá, nguyên tắc "đồng nguyên" cao hơn sự lựa chọn giữa "đa nguyên" và "nhất nguyên".

Nguyên tắc "đồng nguyên" văn hoá đồng bản chất (Congénial) với tinh thần khoan hoà văn hoá. Tinh thần khoan hoà này cao hơn những sự cố chấp "tôn giáo", "triết học", "mỹ học". Tinh thần khoan hoà văn hoá có cơ sở triết học ở "ý thức về Người khác", đó là ý thức "tôn

⁴ Theo lời của nhà báo Quang Đạm phát biểu ý kiến trong một cuộc hội thảo.

⁵ Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*. Bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thức. *Hồ Chí Minh truyện*. Nxb. Tam Liên, Thượng Hải, 6/1949, tr.91.

trọng những khác biệt của kẻ khác, để kẻ khác tôn trọng những khác biệt của ta” (đây là định nghĩa của nhà triết học Mêhicô- Leopoldo Zea về từ “khoan hoà” được ông xem là “từ then chốt” trong văn hoá thế giới ngày nay)⁶. Tinh thần “khoan hoà” văn hoá bao hàm khả năng “định lại những dị biệt của ta, những điều làm cho ta khác người khác, song vẫn tôn trọng những gì không giống ta mà bình đẳng với ta” (tài liệu đã dẫn). Trong sự đa dạng văn hoá, nói theo cách diễn đạt của Leopolda Zea: “điều quan trọng là có thể khác nhau một cách bình đẳng sao cho mọi người đều bình đẳng trong khi vẫn khác nhau”.

Trong một bài nghiên cứu về tinh thần khoan hoà của tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên”, Trần Ngọc Vương có nhận xét đích đáng về khả năng “xuất nhập trong tam giáo” của những trí thức cựu học. “...Nhà nho số một trong lịch sử Nho giáo ở Việt Nam - tác giả viết - là Nguyễn Trãi cũng tâm sự với sư Đạo Khiêm: Đừng lạ nếu một ngày nào đó, tôi cũng sẽ đi tu thiền (“Lên kỳ ngã diệp thượng thừa Thiên”). Nguyễn Bình Khiêm khi lui về, vừa dựng quán Trung Tân, vừa lập am Mây trắng. Ngô Thời Nhiệm đi xa hơn nữa, lấy pháp hiệu Hải Lượng thiền sư, tự mệnh là Trúc Lâm đệ tứ tổ, trước tác sách về triết học Phật giáo rất dụng công (*Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*)⁷. Tâm thế “xuất nhập” thoải mái trong tam giáo là điều đáng suy nghĩ có liên quan đến tín ngưỡng, đức tin của người Việt. Phải chăng ngay

trong đức tin người Việt cũng thích sự thoải mái, tránh những gì quá căng thẳng, gò bó.

Văn hoá càng phát triển càng khoan hoà. Trong những lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự sự phân tuyến thường bộc lộ một cách rạch ròi, đôi khi đến mức tàn nhẫn. Trong lĩnh vực văn hoá, tinh thần đích thực là sự khoan hoà. Ngay cả trong trường hợp sự phân tuyến được đặt ra, văn hoá - trung thực với tinh thần của chính nó - cũng đứng trên quan điểm khoan hoà văn hóa để nhìn nhận sự phân tuyến. Tinh thần khoan hoà của văn hoá thể hiện trong sự nhìn nhận ưu tiên của lợi ích tối cao, của sự phát triển dân tộc và tiến bộ xã hội: văn hoá dân tộc cao hơn mọi thành kiến giai cấp hẹp hòi và tiếp nhận mọi giá trị làm giàu cho nó. “Proletcult” của Nga cũng như những phong trào văn hoá “tả” khuynh khác dẫn đến những hậu quả tai hại vì đã đánh mất tinh thần khoan hoà của văn hoá. Văn hoá càng khoan hoà thì càng lớn. Những năm gần đây, văn hoá của ta đã khoan hoà tiếp nhận những thành tựu của Thơ mới, Tự lực văn đoàn, nhiều tác phẩm hay của thế giới (thời gian trước bị xem là cấm kỵ). Nên xem đây là những dấu hiệu phát triển của nền văn hoá của ta. Trong quá trình phát triển, xã hội không thể tránh khỏi những xung đột, mâu thuẫn trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội - văn hoá với tinh thần khoan hoà là một sức mạnh to lớn góp phần vào sự củng cố thống nhất quốc gia và đoàn kết dân tộc.

Để xây dựng kinh tế, cần động viên tiềm lực (vốn và kỹ thuật), phát huy tinh thần “kinh bang tế thế” của mọi tầng lớp và của mỗi người trong xã hội.

⁶ Người đưa tin UNESCO, 11/1990. *Phòng vấn Leopold Zea*, tr.9.

⁷ Trần Ngọc Vương. *Văn học Việt Nam - dòng riêng giữa nguồn chung*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999, tr.77.

Trong hai cuộc kháng chiến trước đây, chính sách đại đoàn kết toàn dân là nhân tố quyết định bảo đảm sự thành công. Trong sự nghiệp dựng nước hiện nay, "sức mạnh đoàn kết toàn dân lại càng cần phải phát huy hơn bao giờ hết". Một đặc điểm của lịch sử đương đại nước ta là đấu tranh vũ trang kéo dài nhiều thập kỷ, trong đó sự phân tuyến tất yếu và tàn nhẫn đến mức tàn khốc đã để lại những vết hằn và mặc cảm trong tâm lý nhiều tầng lớp nhân dân, đặc biệt trong lớp người - do những hoàn cảnh khác nhau - có dính líu với chính quyền và quân đội đối phương. Trong tình hình như vậy, văn hoá, mà bản chất là sự bao dung, có một vai trò hết sức to lớn trong việc củng cố khối đoàn kết toàn dân, rộng hơn nữa, của toàn thể cộng đồng người Việt, bao gồm cả hàng triệu Việt kiều đang sống ở hải ngoại. Ngoài ra cũng phải tính đến những mặc cảm mà những sai lầm tá khuynh trong đấu tranh giai cấp và cải cách xã hội để lại trong tâm tư thâm kín của không ít người sống trong chế độ ta. Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, bản thân văn hoá phải tiếp tục mở rộng sự khoan hoà. Một sự đánh giá công bằng hơn những thành tựu của văn hoá miền Nam thời kỳ trước đây (trước 1975), một sự quan tâm chân tình hơn, đầy đủ hơn tới những thành tựu văn hoá ở mọi lĩnh vực của những người Việt ở hải ngoại chẳng những làm phong phú cho nền văn hoá dân tộc của ta, mà còn có tác động xoá bỏ những mặc cảm, thành kiến trong tâm tư hàng triệu người. Văn hoá có khoan hoà thì mới đảm nhiệm được "vai trò" quy tụ mọi tổ chức, mọi cá nhân, mọi nhân tài đất nước kể cả những đồng bào đang sống ở nước ngoài để thực hiện mục tiêu cao cả: "làm cho

dân giàu, nước mạnh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta". Trong cộng đồng người Việt chúng ta hiện nay, không có tinh thần khoan hoà với nhau, làm sao xoá bỏ được những hận thù?⁸

Phải có tinh thần khoan hoà mới tìm hiểu được một cách nghiêm túc văn hóa của những người thuộc dân tộc khác và có tín ngưỡng khác với mình. Nước ta có nhiều dân tộc, tôn giáo và tín ngưỡng khác nhau. Văn hoá có thể tác động quan trọng tới sự hoà hợp dân tộc. Mặt khác, tinh thần khoan hoà tạo ra sự cởi mở trong quan hệ giao tiếp với những người nước ngoài (kể cả những người nước ngoài gốc Việt) có văn hoá xa lạ với mình. Không có sự cởi mở văn hoá, khó mà thực hiện được tốt sự mở cửa kinh tế.

Thời Pháp thuộc, giao lưu văn hoá ở nước ta nổi lên và bao trùm là vấn đề đấu tranh giữa chính sách nô dịch của thực dân về mặt văn hoá và tinh thần bảo vệ văn hoá của những người yêu nước.

Sự đấu tranh này dễ bị khái quát thành đấu tranh giữa văn hoá Pháp và văn hoá Việt (!). Thực ra quan hệ cơ bản giữa văn hoá Pháp và văn hoá Việt

⁸ Truyện cổ tích Tấm Cám - từ rất lâu đời được tích hợp trong ký ức người Việt - là một truyện mang cảm hứng nhân văn nhưng kết thúc của truyện chưa thoát ra được tinh thần của thời dã man: để trả thù cho hủ, Tấm đã cho giết Cám (em cùng cha khác mẹ) một cách hèn hạ và man rợ, cho ướp xác của Cám làm mắm, lại còn đem dọn món mắm này cho mẹ Cám ăn. Có áp bức thì có căm thù. Nhưng thiếu ánh sáng của những tư tưởng khai hoá văn minh, sự căm thù dễ bùng lên thành sự trả thù "không văn minh". Nên hiểu truyện Tấm Cám như một bài học để mỗi chúng ta cảnh giác với sự lại giống (Atavisme) ở chính mình, kể cả ở những người hiền lành nhất (Tấm vốn là người tốt, người hiền lành). Văn hoá dân gian của ta còn có câu tục ngữ "No mất ngon, giận mất khôn": "Giận" còn có thể "mất khôn", hưởng hỏ "căm thù".

trong chế độ thực dân là quan hệ “cộng sinh” (Symbiose) và chính sự cộng sinh văn hoá này là ngọn nguồn những thành tựu rực rỡ của văn hoá dân tộc thời kỳ này. Thế nào là “cộng sinh văn hoá”? “Trong giao lưu văn hoá - Nguyễn Quân viết - đi cùng với hoà nhập kinh tế - xã hội và khoa học kỹ thuật sự cộng sinh là tất yếu và là một nét mới của văn hoá thế giới. Sự đối lập dân tộc với quốc tế trong thái độ tự vệ chỉ thể hiện sự chậm tiến tuy cũng có phần cần thiết với các nước chậm tiến, song hình thái mới của giao lưu là cộng sinh chứ không đơn thuần là tiếp nhận hay không tiếp nhận. Sẽ không còn tính dân tộc mang nhiều chất lạ và khác hẳn như thế giới thời chủ nghĩa thực dân. Cương quyết chối bỏ, khước từ cộng sinh văn hoá, chỉ “thu hút tinh hoa” khoa học kỹ thuật và hoà nhập kinh tế là ảo tưởng và sẽ biến văn hoá dân tộc thành một thứ hàng du lịch rẻ tiền. Tính dân tộc là sự độc đáo với tư cách là một bộ phận hữu cơ cùng sống của văn hoá thế giới” (trích thư trả lời phỏng vấn)⁹. Trong sự cộng sinh văn hoá không tránh khỏi sự ấu trĩ. Những thành quả của sự cộng sinh văn hoá được tạo ra bởi những tài năng cá nhân. Ở những người bất tài, tuôn ra từ sự cộng sinh văn hoá thường là những sự bắt chước hời hợt, những sự sao chép tầm thường, những sự lai căng nhí nhố..., có khi những thứ này tràn ngập môi trường văn hoá, gây thành kiến nặng nề đối với văn hoá ngoại lai. Còn ở những người có tài (ở thời nào cũng hiếm) từ sự cộng sinh văn hoá có nhiều

cơ may nảy sinh những sáng tạo bất ngờ không thể lường trước được. Ai lường trước được sự xuất hiện bất thần của trào lưu Thơ mới? Ai lường trước được sự hình thành gia tốc của văn xuôi hiện đại Việt Nam trong những năm 30? Ai lường trước được sự ra đời tài tình của chiếc áo dài Lơ-muya?

Không ai lường trước được .

Và trong tình hình giao lưu văn hoá hiện nay, những điều kiện thuận lợi hơn trước đây rất nhiều, từ sự cộng sinh văn hoá những gì sẽ nảy sinh làm giàu cho nền văn hoá dân tộc, chắc chắn cũng không một ai lường trước được bất cứ điều gì.

Chất lượng sáng tạo của sự cộng sinh văn hoá là ở khả năng lĩnh hội sâu sắc văn hoá ngoại lai ở những người có khả năng sáng tạo (đương nhiên sự am hiểu văn hoá dân tộc là điều kiện không thể thiếu được). Từ năm 1945 đến nay, sự giao lưu văn hoá có những thời kỳ khá ồ ạt và rôm rả đã không đem lại những thành tựu văn hoá mong muốn. Phải chăng là vì những người có tài năng không có điều kiện tiếp xúc và lĩnh hội thấu đáo tinh hoa những nền văn hoá nước ngoài như trong giai đoạn trước năm 1945? Phải chăng là vì nguyên tắc “đại chúng” bị ngộ nhận đã tạo ra những màng lọc để chỉ lọt tới công chúng những tác phẩm loại hai, loại ba của văn học nước ngoài?

Tính năng cộng sinh văn hoá đồng bản chất với tính năng dung hợp của văn hoá. Văn hóa truyền thống của ta đã dung hợp được tam giáo: Nho, Phật, Đạo. Từ thế kỷ XVII, sự tiếp xúc với phương Tây đã đưa vào đời sống văn hoá - tư tưởng của dân tộc ta Thiên chúa giáo, tư tưởng dân chủ phương Tây

⁹ Cuộc phỏng vấn do nhóm nghiên cứu đề tài *Góp phần xây dựng đề cương văn hoá Việt Nam trong giai đoạn mới* (Chương trình KX.06) tổ chức cuối năm 1992.

(mà chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn là một dị bản phương Đông, đến nay, tầm quan trọng và ảnh hưởng sâu xa của học thuyết này ở ta vẫn chưa được đánh giá đúng mức) và đầu óc khoa học phương Tây (trong đó phải nói đến những khoa học nhân văn hiện đại và những phương pháp hiện đại tiếp cận con người và xã hội)¹⁰, cuối cùng là học thuyết của Mác có ảnh hưởng vô cùng to lớn trong hơn nửa thế kỷ nay. Có thể gọi một cách khái quát những tôn giáo, những học thuyết triết học, chính trị đã hoà nhập vào đời sống văn hoá dân tộc là những kết cấu văn hoá - tư tưởng. Những kết cấu này đều có nguồn gốc ngoại lai, sự tồn tại sâu rộng và lâu bền của chúng trong đời sống văn hoá của dân tộc chứng tỏ rằng chúng đã được chuyển thể và thích nghi, đã trải qua sự tiếp biến văn hoá, đã được dân tộc hoá và dân gian hoá, đã tiếp nhận được những kinh nghiệm nhân sinh và suy nghiệm hiển minh của văn hoá dân gian, lương tri của bao thế hệ người bản địa kinh qua những tình thế lịch sử khác nhau. Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, trong một bài trả lời phỏng vấn, có nêu lên một nhiệm vụ được đặt ra trong sự phát triển văn hoá hiện tại là: “thống hợp” những kết cấu văn hoá - tư tưởng đã được hình thành trong lịch sử văn hoá nước ta (bắt đầu là Nho, Phật, Lão và cuối cùng là học thuyết của Mác). Kết cấu văn hoá tư tưởng nào cũng có “luồng nhân bản gốc” bao gồm lý tưởng nhân đạo, cảm hứng nhân ái và những kinh nghiệm “tu thân” (hiểu mình và làm chủ bản thân mình). Chức năng

dung hợp của văn hoá trước hết là dung hợp những “luồng nhân bản gốc”. Sự cộng sinh văn hoá trước hết là cộng sinh của những “luồng nhân bản gốc”. Tính “đồng nguyên” của các kết cấu văn hoá - tư tưởng chính là ở gốc nhân bản. Do tính khoa học và tinh thần dân chủ của chủ nghĩa Mác, những tư tưởng nhân bản của học thuyết Mác có một tầm quan trọng đặc biệt trong nền văn hoá hiện đại của ta. Và những tư tưởng nhân bản này phải được dung hợp với những “luồng nhân bản gốc” khác thì mới thâm nhập được vào quần chúng. Riêng về kinh nghiệm “tu thân” thì “phê bình” và “tự phê bình” của những người mác - xít Việt Nam sẽ phong phú và sâu sắc hơn nhiều nếu như có sự lĩnh hội những kinh nghiệm “tu thân” hiển minh của Nho giáo, những kinh nghiệm di dưỡng và siêu nghiệm tâm linh của Lão giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo và dĩ nhiên ở đây không thể không nói đến những thành tựu của các khoa học tâm lý hiện đại, những kinh nghiệm phân tâm học chẳng hạn. Đặc biệt đối với Khổng giáo và học thuyết Mác là hai kết cấu văn hoá - tư tưởng có xu hướng “nhập thể” đặc biệt mạnh mẽ, chúng thâm nhập vào hoạt động “tê, trị, bình” - thì từ sự nghiên cứu những thiết chế và cơ chế đồ sộ đã được tạo ra để phục vụ cho hoạt động “tê, trị, bình”, chúng ta có thể rút ra được những kinh nghiệm nhân văn quý báu. Nhìn chung, sự dung hợp các “luồng nhân bản gốc” sẽ xác lập căn cứ từ đó tiến hành phê phán những xu hướng chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa giáo điều trong sự “ngộ đạo”, những điều “tù mù”, “huyền hoặc” trong sự “truyền đạo”, những xu hướng quan liêu hoá bao giờ cũng gắn với những tham vọng quyền lực trong sự “hành

¹⁰ Cũng có thể nói đến Chủ nghĩa duy lý phương Tây, nó chính là sự khái quát của đầu óc khoa học phương Tây.

đạo”, chính những xu hướng này đã và đang tàn phá văn hoá dân tộc. Ngay trong lĩnh vực khoa học, chủ nghĩa hình thức và chủ nghĩa giáo điều trong tư duy, chủ nghĩa quan liêu trong các thiết chế khoa học đang có những biểu hiện tiêu cực khá trầm trọng.

Hướng theo mục tiêu nào để dung hợp các kết cấu văn hoá - tư tưởng? Trước hết đó là lý tưởng “vì độc lập của tổ quốc, tự do của nhân dân, hạnh phúc của đồng bào”.

Tư tưởng “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” được đề xướng từ “thuở ban đầu dân quốc” và sau một nửa thế kỷ giữ nước, dựng nước, trước sự khủng hoảng của lý thuyết về CNXH, để xác định cho chúng ta một quan niệm về CNXH, dường như không có con đường nào khác là trở về với tư tưởng vĩ đại này.

Giành độc lập dân tộc là vứt bỏ xiềng xích ngoại thuộc, đây là sự lệ thuộc bất bình đẳng trên dưới, còn gọi là sự lệ thuộc theo chiều thẳng đứng (Vertical). Mặt khác, độc lập không có nghĩa là tách ra khỏi sự tùy thuộc lẫn nhau theo chiều ngang (Interdependance Horizontale), xu thế của thời đại ngày nay là sự tương tùy (theo chiều ngang) giữa các quốc gia, các khu vực ngày càng tăng.

Khi nền độc lập của dân tộc bị đe dọa thì “độc lập dân tộc” là nghĩa lớn chói lọi, toả sáng khắp nơi. Trong hai cuộc kháng chiến vừa qua, hàng triệu người sẵn sàng hy sinh những “nỗi niềm hạnh phúc” và “tự do” riêng tư vì “độc lập dân tộc”. “Không có gì quý hơn độc lập tự do” (Hồ Chí Minh), người tuyên bố chân lý này trước quốc dân và nhân dân thế giới ở giờ phút trọng đại của lịch sử dân tộc cũng là người nhấn nhủ chúng ta: “Nhân dân không được tự do, hạnh phúc

thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì”. Độc lập là điều kiện thứ nhất của Tự do, Hạnh phúc nhưng Độc lập không phải là cứu cánh cuối cùng. Dân tộc ta đã giành được độc lập. Phía trước là chân trời Tự do - Hạnh phúc. Khát vọng tự do, ước mong hạnh phúc của con người là vô hạn.

Trong thời kỳ đấu tranh giành “độc lập, tự do”, tự do của cả cộng đồng dân tộc là nghĩa lớn được đặt lên trên hết. Tư tưởng “dân quyền tự do” coi trọng những quyền tự do cá nhân. Hướng về xã hội tương lai, Mác nêu lên nguyên lý bất hủ: “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người”¹¹. (Đối với chúng ta, nguyên lý này giá như đảo ngược lại thì nghe thuận hơn). Dĩ nhiên, “tính liên đới của sự phát triển tự do của mọi người” là “tất yếu”. Phải chăng nguyên lý nói trên nhấn mạnh tính thứ nhất của “sự phát triển tự do của mỗi người” (tức là sự phát triển tự do của cá nhân)?

Hạnh phúc của con người là ở sự phát triển tự do của nhân cách (nhân cách hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm toàn bộ các năng lực nhân tính của con người). Nói theo cách diễn đạt của Nam Cao, đó là “sự phát triển đến tận độ những khả năng của loài người được chứa đựng ở mình”¹². Nhân cách phát triển tự do còn được gọi là “cá tính tự do” (Mác). Thảm kịch của đa số những người lao động trong xã hội cũ là “do thường xuyên phải vật lộn để thoả mãn những nhu cầu bức thiết họ bị tước đoạt bất kỳ khả năng phát triển nào”¹³. Nhân dân bị bần

¹¹ Trích dẫn từ câu kết thúc chương II Tuyên ngôn cộng sản.

¹² Nam Cao. *Sống mòn*. H, 1963, tr.202.

¹³ C.Mác và Ph.Ăngghen. *Tác phẩm* (tiếng Nga), T.3, tr.4.

cùng, tức là “thường xuyên phải vật lộn để thoả mãn những nhu cầu bức thiết” thì nói gì đến “phát triển” và “hạnh phúc”. Trong những xã hội mà sức sản xuất thấp kém, xung đột xã hội đối kháng là xung đột giữa “thiểu số nắm độc quyền phát triển” và “đa số... bị tước đoạt bất kỳ khả năng phát triển nào”. “Cơm ăn, áo mặc” là những nhu cầu bức thiết của con người. Nam Cao đã cảm nhận sâu sắc bi kịch của những người thường xuyên và suốt đời phải vật lộn để giành giật miếng cơm, manh áo: “Sao mà cái đời nó tù túng, nó chật hẹp, nó bần tiện thế? Không bao giờ dám nhìn cao một tí., chỉ những lo ăn, lo mặc. Hình như tất cả nguyện vọng, tất cả mong ước, tất cả mục đích của đời chúng mình chỉ là mỗi ngày hai bữa. Bao nhiêu tài trí, sức lực, lo tính đều chỉ dùng vào việc ấy... Lúc nào cũng lo chết đói, lúc nào cũng lo làm thế nào cho khỏi chết đói...”¹⁴. Khi nạn đói kinh niên là nỗi ám ảnh thường trực của hàng triệu người thì hạnh phúc trước hết là “có cơm ăn, áo mặc”. Đến khi khỏi phải lo “cơm, áo” thì điều then chốt của hạnh phúc là “ cá tính tự do”, “sự phát triển đến tận độ những năng lực của loài người được chứa đựng ở mình”. Phát triển tự do nhân cách là một hình thức cao của hạnh phúc. Bi kịch của nhân cách phát triển tự do có khi “đáng sống” hơn sự hồ hởi ngây dại của nhân cách không phát triển. Công cuộc đổi mới đã có những thành quả ban đầu, nhân dân ta có cơ qua cái thời “cơm ngửi”¹⁵. Đối với

hạnh phúc của con người, “ cá tính tự do” không phải là một điều xa xỉ. Sự phát triển những năng lực của con người có liên quan đến hai lĩnh vực hoạt động nhân sinh “học” và “hành”, “học” nhằm sản sinh hoặc phát triển những năng lực và “hành” là vận dụng thực hành những năng lực đã có nhằm sản sinh ra những kết quả thực tại. Nói một cách nôm na đó là hoạt động “học võ” và hoạt động “dụng võ”. Hai lĩnh vực hoạt động này có liên quan mật thiết với nhau. Không “biết võ” hoặc “biết võ” mà không có đất “dụng võ” đều gây khó khăn cho sự phát triển nhân cách. Một chiến lược hợp lý cho sự phát triển bình thường của nhân cách con người phải tính đến hai mặt: vừa tạo những điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi cho sự học tập nhằm phát triển kịp thời năng lực, vừa tạo những trường hoạt động phong phú, đa dạng để con người ta, với những cá tính hết sức khác nhau tha hồ mà vận dụng và thi thố tài năng. Trong xã hội ta hiện nay, nhiều trường hợp đạo đức tiêu cực thật ra bắt nguồn từ những khó khăn, những bế tắc của sự phát triển nhân cách ở phương diện năng lực: hoặc năng lực không phát triển kịp tương xứng với nhiệm vụ mới hoặc có năng lực nhưng không được sử dụng.

Nghiên cứu thân phận con người trong xã hội tiền tư bản, Mác thấy rằng ở trình độ phát triển xã hội này “sản xuất nhỏ là điều kiện tất yếu cho sự phát triển sức sản xuất xã hội và cá tính tự do của người lao động và nó chỉ đạt tới sự phồn thịnh, chỉ bộc lộ toàn bộ năng lực của nó, chỉ có được hình thức cổ điển tương xứng nơi nào người lao

¹⁴ Xem 12.

¹⁵ Tác giả bài tiểu luận này bắt gặp từ “cơm ngửi” trong một truyện ngắn của Tô Hoài. Nhà văn Tô Hoài đã giải thích từ này như sau: “Ngày trước, thợ làm thuê ăn cơm nhà chủ đến bữa không phải muốn ăn mấy bát cơm thì ăn, có những người chủ

định trước với thợ “ngửi” ăn cơm, mỗi bữa chỉ được ăn bao nhiêu bát cơm”.

động là người tự do có sở hữu riêng^(*) về những điều kiện lao động của mình do chính mình sử dụng, nơi nào người nông dân làm chủ được thửa ruộng mà nó chăm chút cây bừa, người thợ thủ công nắm được công cụ một cách thành thạo tuyệt vời¹⁶. Ở trình độ phát triển kinh tế của xã hội ta hiện nay người sản xuất nhỏ vẫn chiếm ưu thế. Một điều kiện quan trọng của dân sinh hạnh phúc là tìm ra được những hình thức sở hữu (Propriété), những thể chế làm chủ (Possession) đa dạng, phát huy tối ưu nhân cách của những người lao động thuộc những lứa tuổi, ngành nghề, vùng dân cư khác nhau.

Sự phát triển nhân cách của người lao động có liên quan đến chế độ sở hữu thích đáng với nó. Tinh thần chủ động, tính độc lập, cương nghị - những nét thường thấy ở một nhân cách hẳn hoi - có liên quan đến tư cách lao động tự do, tức là lao động có sở hữu riêng, được làm chủ những điều kiện sinh sống của mình. Vì sao trong những vở kịch của nhà văn Na Uy Ibsen, thế giới tiểu tư sản được phản ánh như là một thế giới trong đó, con người còn có sự cương nghị, có tinh thần chủ động và hành động một cách độc lập? Ăng-ghe-nh đã chỉ ra nguồn gốc sâu xa: "Nông dân Na Uy - ông viết -, chưa bao giờ là nông nô, tiểu tư sản Na Uy là con đẻ của nông dân tự do và do đó nó là "con người hẳn hoi"¹⁷. Nông dân tự do là người lao động có sở hữu cá nhân, còn nông nô là nông dân bị tước đoạt mọi sở hữu (kể cả sở hữu về nhân thân của mình). Như vậy, tư cách

sở hữu của người lao động còn để lại dấu vết đến cả nhân cách con cháu họ trong nhiều đời sau. Trong xã hội Việt Nam trước cách mạng, trung nông là cá tính tự do và những nhân cách hẳn hoi ở nông thôn thường tìm thấy trong tầng lớp xã hội này. Dĩ nhiên, họ cũng chịu sự áp bức của địa chủ, cường hào, quan lại và đế quốc, nhưng so với tầng lớp địa chủ có tư hữu nhưng không có lao động lại bị tha hóa bởi cuộc sống bóc lột và so với bản cố nông là lớp người lao động nhưng hầu như không có sở hữu thì trung nông là những người có điều kiện thuận lợi hơn cả để phát triển cá tính tự do và có nhân cách hẳn hoi.

Để tránh tình trạng hỗn hợp, sự dung hợp các kết cấu văn hoá - tư tưởng phải hướng về những mục tiêu lớn. "Độc lập. Tự do. Hạnh phúc" là những mục tiêu chính trị. Xác định những mục tiêu triết học là công việc của những triết gia. Chẳng hạn, có thể nêu lên "sự an sinh, sự tiếp nối bền vững của đời sống con người", những mục tiêu này đã được nhà văn hoá học Mỹ Leslie A. White xác định là cứu cánh của bản thân văn hoá.

Xét đến cùng, cứu cánh của văn hoá là "sự an sinh và sự tiếp nối bền vững của cuộc sống con người" (Leslie A. White). Từ cứu cánh này có thể hiểu được sâu sắc hơn ý nghĩa của từng mặt trong đời sống văn hoá, liên hệ giữa các mặt và sức mạnh phổ biến của văn hoá.

Trong nhu cầu an sinh của con người, yêu cầu tối thiểu là an sinh trong sinh hoạt xã hội (bảo đảm sự no ấm, làm ăn yên ổn) và yêu cầu tối đa là an sinh phân hân. Nói đến văn hoá thường ta nghĩ đến an sinh phân hân. Thực ra, an sinh trong sinh hoạt xã hội là hết sức quan trọng, đây là "hạ tầng cơ sở" của

(*) Tác giả gạch dưới.

¹⁶ C.Mác và Ph.Ăngghen. *Tác phẩm* (tiếng Nga), tr.23, tr.771.

¹⁷ C.Mác và Ph.Ăngghen. *Tác phẩm* (tiếng Nga), tr.37, tr.352.

cuộc sống văn minh. Cần thấy mối quan hệ tương hỗ giữa văn hoá và pháp luật, văn hoá và kỷ cương, văn hoá và trật tự an toàn xã hội... Văn hoá là sự tự do bên trong, pháp luật và những kỷ cương khác là sự ngăn ngừa bên ngoài. Văn hoá bao gồm yêu cầu tối đa về đạo đức, pháp luật giới hạn ở yêu cầu đạo đức tối thiểu. Có thể lập lại trật tự, củng cố kỷ cương trong một thời gian ngắn nhưng xây dựng văn hoá ở cá nhân và toàn xã hội lại đòi hỏi sự lâu dài, có khi nhiều đời. Mối quan hệ giữa “lập kỷ cương” và “xây dựng văn hoá” là mối quan hệ “lấy ngắn nuôi dài”. Nhu cầu an sinh phần hồn có liên quan mật thiết với đời sống tôn giáo, tín ngưỡng (đặc biệt trong văn minh nông nghiệp). Nhu cầu đó khiến con người có ý thức sâu sắc hơn về đời sống đạo đức. Do đó, tôn giáo tín ngưỡng, mặt nào đó, có tác dụng xây dựng ý thức đạo đức. Cũng cần thấy rằng lợi dụng hoặc lạm dụng thờ cúng và tín ngưỡng sẽ gây ra những sự lộn xộn và bê tha trong đời sống xã hội, như vậy là trái với cứu cánh của văn hoá. Trong sự bê tha “buôn thân bán thánh” làm sao con người có thể an sinh phần hồn và kích động cuồng tín của những tín đồ là xâm phạm đến an toàn xã hội. Cũng như vậy, cứu cánh của văn hoá không thể dung hoà với việc nhân danh “sự bao dung văn hoá” để truyền bá những tư tưởng có hại cho sự yên ổn và đời sống tinh thần lành mạnh của xã hội.

Nhu cầu cuộc sống “tiếp nối bền vững” có gốc rễ ở bản năng duy trì, tiếp tục giống loài ở con người. Nhu cầu này thể hiện ở nhiều cấp: gia đình, dân tộc, nhân loại... Sơ đẳng và phổ biến hơn cả là nhu cầu duy trì và tiếp tục sự sống

của gia đình dòng dõi, nâng cao lên là mối quan tâm đến thanh danh của gia đình. Cùng với nguy cơ ô nhiễm môi trường, phá vỡ sinh thái và chiến tranh huỷ diệt ở quy mô hành tinh, con người ngày càng có ý thức bảo vệ giống loài của mình.

Con người có nhu cầu quán xuyên và thông suốt “liên hệ của hiện tại với quá khứ và tương lai” trong vận mệnh của cá nhân mình và cộng đồng của mình. Nhà văn hoá học Nga V.X.Eraxov xem mối liên hệ này là “bê chiều” (dimension) đặc biệt mà văn hoá đem lại cho cuộc sống con người¹⁸. Những khoa học huyền bí và các thuật tướng số, tử vi có sức hấp dẫn đặc biệt chính là vì đáp ứng (dù là một cách ảo tưởng) nhu cầu thông suốt liên hệ nói trên. Tôn giáo, tín ngưỡng, bằng cái “thiên”, có khả năng thỏa mãn sâu sắc nhu cầu quán xuyên liên hệ của hiện tại với quá khứ và tương lai trong số phận cá nhân con người. Ý nghĩa văn hóa của thờ cúng tổ tiên là trong sự cúng bái, cầu khẩn, con người cảm thấy mối liên hệ sâu sắc giữa sự phù hộ của vong linh tổ tiên (quá khứ) và sự an khang của mình và gia đình trong hiện tại và tương lai. Có thể lo toan cho hiện tại và tương lai của mình bằng những sự tính toán thực tiễn. Nhưng nếu như sự lo toan này được gắn với quá khứ “thiên”, chẳng hạn như mồ mả và hài cốt của cha ông tượng trưng cho cội nguồn thì nó mang ý nghĩa văn hoá. Cần đứng từ quan điểm văn hoá học để xem xét các hiện tượng tín ngưỡng, quan điểm “duy vật” đơn thuần thường tỏ ra hời hợt. (Còn nữa)

¹⁸ B.X.Eraxov. Văn hoá, tôn giáo và văn minh ở phương Đông. Bản tiếng Nga 1990, tr.15.